TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**14**/2024/DS-PT
Ngày: 10/01/2024
V/v"Tranh chấp tài sản gắn liền với đất, chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý 74/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp tài sản gắn liền với đất, chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 21/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14807/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa:

***1. Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Đăng V, sinh năm 1962; cư trú tại: Số I, tổ H, khối I, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; hiện trú tại: Số nhà C, tổ G, khối I, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đăng V: Bà Vi Thị H, sinh năm 1962; trú tại số nhà C, ngõ A, tổ H, khối I, phường V, thành phố L, (văn bản ủy quyền ngày 08/10/2020); Có mặt.

***2. Bị đơn*:** Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1963; trú tại số nhà C, tổ G, khối I, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn*: Ông Nguyễn Thế Q, Luật sư Văn

phòng luật sư Nguyễn Thế Q thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ số H, tổ B (ngõ C) phường D, quận C, thành phố Hà Nội; Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Ông Phạm Trọng K, sinh năm 1945; cư trú tại: Ngõ B, tổ B, khối I, M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

3.2. Bà Phạm Thị K1, sinh năm 1950; cư trú tại: Tổ H, khối I, M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K1: Bà Trịnh Thị T; cư trú tại: Số A, đường M, khối I, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

3.3. Bà Phạm Thị D (C), sinh năm 1953 (đã chết).

Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng:

- Anh Hoàng Văn T1 sinh năm 1979 (con bà D); địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị N sinh năm 1981 (con bà D); địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị L sinh năm 1984 (con bà D); địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1, chị N và chị L: Bà Vi Thị Mai P; cư trú tại: Số nhà A, ngõ A, tổ G, khối I, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

3.4. Bà Lộc Thị T2, sinh năm 1958;

3.5. Anh Phạm Văn G (Phạm Mạnh G1), sinh năm 1984;

3.6. Anh Phạm Văn D1 (Phạm Quang D2), sinh năm 1987;

Cùng cư trú tại: Số A, tổ H, khối I, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lộc Thị T2, ông Phạm Văn G, ông Phạm Văn D1, ông Phạm Trọng K: Bà Nguyễn Kim V1; cư trú tại: Số H, khối G, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:

4.1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố L: Bà Nguyễn Ngọc H1, chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4.2. Bà Nguyễn Thị X; cư trú tại: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt.

4.3. Chị Nguyễn Mỹ H2; cư trú tại: Số nhà C, tổ G, khối I, đường M, phường V,

thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H2: Bà Hoàng Thị M; cư trú tại số nhà C, tổ G, khối I, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2019, đơn bổ sung nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2021, ông Nguyễn Đăng V trình bày:

Mẹ của ông là cụ Đặng Thị N1 lấy hai đời chồng, người chồng thứ nhất là ông Phạm Văn K2 có 5 người con tên là Phạm Trọng K, Phạm Thị K3, Phạm Thị K1, Phạm Thị D (tức C), Phạm Công Í. Năm 1957, ông Phạm Văn K2 chết, mẹ ông lấy người chồng thứ hai tên là Nguyễn Đăng K4, sinh được ba người con tên là Nguyễn Thị X, Nguyễn Đăng V, Nguyễn Đăng L1 (tức Luật). Đầu năm 1993, bố ông là cụ Nguyễn Đăng K4 chết, tháng 11/1993 mẹ ông là cụ Đặng Thị N1 chết. Sau khi mẹ ông chết được một năm thì em trai ông là Nguyễn Đăng L2 cũng chết. Tháng 6 năm 1995 ông có đi đăng ký quyền sử dụng đất thổ cư và đất vườn nông nghiệp của mẹ và của gia đình ông do hợp tác xã (viết tắt là HTX) cấp thì được bà Hoàng Thị M (là vợ của ông Nguyễn Đăng L2) cho biết cụ Đặng Thị N1 đã có di chúc để lại toàn bộ đất đai, nhà cửa, bao gồm cả đất HTX cấp cho gia đình cụ N1 trong đó có tên gia đình ông từ năm 1980 - 1981 cho em trai ông là Nguyễn Đăng L2 cùng bà Hoàng Thị M. Trong khi đó năm 1990, bà Hoàng Thị M mới về gia đình ông làm dâu không có đăng ký kết hôn. Năm 1980 - 1981, gia đình ông gồm 08 người gồm ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K3, bà Phạm Thị K1, bà Phạm Thị D (C), ông Phạm Công Í, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Đăng V, ông Nguyễn Đăng L1 (Luật). Trong số 08 người nêu trên có ông Phạm Công Í và ông là 02 người đang tại ngũ, còn lại 06 người, được HTX N3 giao 780m^2 đất vườn tại M - Đ (nay là tổ G, khối I, phường V, thành phố L) và 06 sào đất trồng lúa tại xứ đồng C. Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16 phường V (theo sổ Mục kê năm 1988 thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 01 diện tích là 1.602m^2 đất thổ cư, người sử dụng là Đặng Thị N1, hiện tại còn lại là 1.557,7m^2). Nguồn gốc là của ông bà ngoại cho mẹ của ông là bà Đặng Thị N1. Diện tích đất này hiện tại đã nằm trong quy hoạch, chưa có phương án bồi thường. Quá trình sử dụng tài sản, sau khi tranh chấp kiện thừa kế không thành, bà Hoàng Thị M đã đứng tên đăng ký sử dụng diện tích 2.029,2m^2 tại phường Đ là tài sản chung được HTX cấp cho gia đình bà Đặng Thị N1. Việc đăng ký này khác phường nên ông không biết có thông tin việc bà Hoàng Thị M đứng tên cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất trên, nên không thể có đơn phản hồi được.

Thửa số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2 phường V, thành phố L nguồn gốc là do HTX N3 giao cho hộ gia đình ông từ năm 1980 - 1981. Đối với

thửa đất số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2.029,2m^2, địa chỉ: Tổ F, khối H, phường Đ, thành phố L có nguồn gốc là do ông Đinh Cao B và ông Nguyễn Đăng L2 tự thỏa thuận đổi đất cho nhau từ năm 1994.

Đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 09, phường V diện tích 343,5m^2, (theo sổ mục kê ruộng đất của xã Đ năm 1988) thuộc một phần thửa số 336 có tổng diện tích 2.488 m^2 đất HTX, ngày 22/7/1993 bà M viết di chúc đứng tên mẹ của ông cho vợ chồng bà M, nên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho bà Hoàng Thị M.

Nay ông Nguyễn Đăng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy GCNQSDĐ số: CH03743 do UBND thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31/12/2015 cho bà Hoàng Thị M, tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.029,2m^2 địa chỉ khối H, phường Đ, thành phố L, tỉnh lạng Sơn.

- Hủy GCNQSDĐ số H00130 do UBND thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 24/6/1999 cho bà Hoàng Thị M.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết diện tích đất tranh chấp là: 1.577,7m^2 tại số C, tổ G, khối I, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn tại thửa đất số 27, trong đó có: 1.177,7m^2 đất vườn và 400m^2 đất ở đã xây ngôi nhà cấp IV, bếp, công trình phụ và tài sản khác trên đất (diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Yêu cầu bà Hoàng Thị M trả lại toàn bộ nhà đất là di sản thừa kế của cụ Đặng Thị N1 cũng như toàn bộ đất là tài sản chung của các thành viên hộ gia đình cụ Đặng Thị N1 được giao năm 1980 - 1981 cho các thừa kế và các con cháu cụ N1 là bà Lộc Thị T2, anh Phạm Văn G, anh Phạm Văn D1, ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Phạm Thị D (C), bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Đăng V để chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị N1 để lại theo pháp luật.

- Chia tài sản chung của các thành viên hộ gia đình cụ Đặng Thị N1 được giao năm 1980 - 1981 cho các con cụ Đặng Thị N1 là bà Lộc Thị T2, anh Phạm Văn G, anh Phạm Văn D1, ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Phạm Thị D (C), bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Đăng V.

II. Bị đơn bà Hoàng Thị M trình bày:

Mẹ chồng bà là cụ Đặng Thị N1 có hai đời chồng, người chồng thứ nhất tên là Phạm Văn K2, sinh ra được 05 người con tên là Phạm Trọng K, Phạm Công Í, Phạm Thị K3, Phạm Thị K1, Phạm Thị D (Côi). Sau khi cụ Phạm Văn K2 chết, cụ Đặng Thị N1 đã bán toàn bộ tài sản là nhà đất của cụ Phạm Văn K2 cho bà dì là Đặng Thị T3, địa chỉ: Ngõ A, khối I, đường M, phường V, thành phố L. Do vậy cụ N1 và cụ K2 hiện nay không còn có tài sản chung gì.

Người chồng thứ hai tên là Nguyễn Đăng K4, sinh được ba người con tên là Nguyễn Thị X, Nguyễn Đăng V, Nguyễn Đăng L2. Cụ Nguyễn Đăng K4 và cụ Đặng Thị N1 đã tự ý chung sống với nhau không cưới xin và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 1964 sau khi sinh ra ông Nguyễn Đăng L2, cụ N1 và cụ K4 có sự khúc mắc, ly thân rồi bỏ nhau. Khi bỏ nhau cụ K4 và cụ N1 đã tự thỏa thuận phân chia tài sản và con cái, về con cụ Nguyễn Đăng K4 mang theo bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Đăng V để nuôi dưỡng, do ông Nguyễn Đăng L2 còn nhỏ nên ở lại sống với cụ Đặng Thị N1. Về tài sản cụ Nguyễn Đăng K4 lấy 1, 2 mẫu ruộng của riêng cụ ở Cầu Đ, huyện C sau này cụ đưa vào HTX. Sau khi bỏ nhau cụ Đặng Thị N1 về M được ông bà ngoại cho mảnh đất, đến năm 1997 địa chính đo đạc thể hiện rõ thửa đất số 27, tờ bản đồ 16, có diện tích là 1.577,7m^2, phường V, thành phố L hiện nay tài sản này bà đang quản lý và sử dụng, bà đã xây nhà năm 2013 và trồng các loại cây ăn quả trên thửa đất đó. Thửa đất số 27 chưa được cấp GCNQSDĐ là do vào quy hoạch. Hiện nay UBND thành phố L đã có quyết định thu hồi hai thửa đất số 27, 28 để làm khu tái định cư K, phường V. Về nguồn gốc của mảnh đất này là của ông bà ngoại cho cụ Đặng Thị N1, khi cho không có giấy tờ. Thửa đất này là đất thổ cư không đưa vào HTX. Đến tháng 11/1993 cụ Đặng Thị N1 chết, trước khi chết cụ đã lập di chúc ngày 22/7/1993 cho vợ chồng bà quản lý và sử dụng. Chồng bà đã chết năm 1994, tài sản này thuộc quyền sở hữu của 2 mẹ con bà. Khi lập di chúc vì cụ N1 sức khỏe yếu nên đề nghị bà viết theo ý kiến của cụ đưa ra trước sự chứng kiến của anh Đặng Văn T4 là cháu trai ruột của cụ Đặng Thị N1 và ông Đặng Văn H3 là anh trai ruột cụ Đặng Thị N1, khi viết xong bà đã đọc toàn bộ nội dung bản di chúc cho mọi người cùng nghe, cụ N1 đồng ý với nội dung bản di chúc này, nên cụ đã cầm bút viết sau bản di chúc mẹ đã ký và ký chữ ký vào bản di chúc, đồng thời người làm chứng đã ký vào bản di chúc. Sau 01 tuần cụ Đặng Thị N1 đưa hộ khẩu và bản di chúc ra UBND phường để xác nhận. Bà không có ý kiến gì về bản di chúc này vì đã được giám định trong vụ án chia thừa kế và chia tài sản chung vào năm 2007, nay bà không yêu cầu giám định lại bản di chúc.

Đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ 16, có diện tích 437,3m^2, phường V: Nguồn gốc thửa đất là của HTX giao cho hộ cụ Đặng Thị N1 vào năm 1981 để canh tác, trước năm 1980 bà không biết gì về việc giao khoán thửa đất này. Đến tháng 10 năm 1990, khi bà về làm dâu gia đình cụ N1 chỉ có 2 mẹ con là cụ Đặng Thị N1 và anh Nguyễn Đăng L2. Cuối năm 1994, HTX giải thể, bà vẫn trực tiếp quản lý và sử dụng, chủ cũ không có yêu cầu đòi lại đất. Khoảng năm 1997 - 1998 Nhà nước thông báo ai đang quản lý đất nông nghiệp thì đi đăng ký

kê khai để được cấp GCNQSDĐ nên bà đã đến UBND phường V đăng ký, kê khai theo yêu cầu. UBND thị xã L (nay là thành phố L) xét thấy có đủ điều kiện đã cấp GCNQSDĐ cho bà vào ngày 24/6/1999.

- Đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2.029,2m^2 tại tổ F, khối H phường Đ, thành phố L: Nguồn gốc là của HTX giao khoán cho ông Đinh Cao B (ông B đã chết năm 2018) theo khoán 10, còn diện tích ruộng khoảng 06 sào tại khối E thị trấn C, huyện C có nguồn gốc là của ông Đinh Cao B đưa vào HTX để làm ăn chung, 02 diện tích đất ruộng này đã được ông Đinh Cao B và ông Nguyễn Đăng L2 (chồng của bà) đổi diện tích đất ruộng cho nhau để tiện cho việc sản xuất, có xác nhận của Ban chủ nhiệm của hợp tác xã N3. Khi HTX N3 giao khoán cho các hộ gia đình canh tác không có giấy tờ và quyết định gì, chỉ cấp cho mỗi hộ gia đình một quyển sổ nộp thuế. Sau khi mẹ chồng và chồng bà chết, bà và con gái Nguyễn Mỹ H2 là người quản lý trực tiếp thửa đất này. Thửa đất này đã được cấp GCNQSDĐ.

Sau khi ông cụ Nguyễn Đăng K4 chết, toàn bộ di sản của cụ Nguyễn Đăng K4 gồm có: Ruộng, vườn, nhà và đồi, ông Nguyễn Đăng V là người trực tiếp quản lý và hưởng toàn bộ. Tất cả các anh chị em sau khi xây dựng gia đình, tách hộ khẩu ra ở riêng đều được HTX N3 giao cho đất ruộng, đất vườn làm nhà ở và quản lý từ đó đến nay.

III. Quan điểm của người làm chứng, người có quyền, nghĩa vụ liên quan

1. Người làm chứng là ông Đặng Văn T4 trình bày:

Ngày 22/7/1993 ông Nguyễn Đăng L2 được mẹ nhờ đã sang gọi ông và bác ruột là Đặng Văn H3 sang nhà cụ N1, lúc đó cụ N1 đang ở cùng ông L2 và bà M. Cụ N1 thảo luận và đưa ra việc lập di chúc để lại, do cụ N1 chỉ biết ít chữ nên yêu cầu bà M viết di chúc theo ý kiến của cụ N1. Sau khi lập xong bà M đã đọc lại toàn bộ bản di chúc cho mọi người nghe, cụ N1 đã đồng ý và tự tay viết vào sau "người viết ký" trước sự chứng kiến của mọi người, suốt quá trình làm, lập di chúc cụ N1 minh mẫn, không có sự ép buộc.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố L, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố L trình bày:

- Về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ số H 00130 QSDĐ/86/1999/QĐ-UB(H), do UBND thị xã L (nay là thành phố L) cấp ngày 24/6/1999 đối với thửa số 44, diện tích 343,5m^2 tờ bản đồ số 09 và thửa số 28, diện tích 437,3m^2 tờ bản đồ 16, bản đồ địa chính phường V mang tên hộ bà Hoàng Thị M và GCNQSDĐ số vào sổ cấp CH:03743, do UBND thành phố cấp ngày 21/12/2015 đối với thửa đất số 13, diện tích 2029,2m^2, tờ bản đồ địa chính số 05, phường Đ mang tên hộ

bà Hoàng Thị M là đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đăng V yêu cầu hủy 02 GCNQSDĐ trên là không có căn cứ.

- Đối với diện tích đất tranh chấp 1.577,7m^2 tại thửa số 27, tờ bản đồ 16, địa chỉ số C, tổ G, khối I, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn chưa được cấp GCNQSDĐ, do có quy hoạch, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

IV. Kết quả định giá diện tích đất tranh chấp

1. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2019 xác định diện tích đất tranh chấp gồm:

+ Thửa đất số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2.029,2m^2 địa chỉ tổ F, khối H, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp GCNQSDĐ có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 8 của ông Hồ Phi D3; phía Nam giáp thửa số 21, 22, 23 của ông T5; phía Đông tiếp giáp thửa đất số 7, 14 của ông Hoàng Văn L3; phía Tây giáp thửa đất số 48 của ông Triệu Văn Đ, thửa số 12 của Nguyễn Thị T6, thửa số 183 của bà N2, thửa số 20 đất hoang.

+ Thửa đất số 27, tờ bản đồ 16, diện tích 1.577,7m^2 địa chỉ phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn chưa được cấp GCNQSDĐ do thuộc khu quy hoạch, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 24, 25, 26, đường đi; phía Nam giáp thửa số 28, 34 của bà Hoàng Thị M; phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp đường đi.

+ Thửa đất số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2 địa chỉ phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp GCNQSDĐ có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 27 của bà Hoàng Thị M; phía Nam giáp thửa số 29; 30; phía Đông giáp mương; phía Tây giáp thửa 34 của bà Hoàng Thị M.

+ Thửa số 44, tờ bản đồ 09 địa chỉ phường V đã được giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Tại Biên bản định giá ngày 13/8/2019, Hội đồng định giá xác định:

+ Thửa đất số 13 diện tích 2.029,2m^2 nguyên đơn, bị đơn thống nhất đất có giá trị 3.043.800.000 đồng (Ba tỷ không trăm bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng); cây cối, hoa màu nằm trên thửa đất số 13 có tổng giá trị 67.184.000 đồng (Sáu mươi bẩy triệu một trăm tám tư nghìn đồng).

+ Thửa đất số 27, trên đất có 02 nhà 3A, 01 nhà vệ sinh xây dựng năm 2013 có trị giá 180.525.000 đồng; quyền sử dụng thửa đất diện tích 1.577,7m^2 có giá trị 366.100.000 đồng; vật kiến trúc, cây cối hoa màu nằm trên thửa đất số 27 có tổng giá trị 218.876.000 đồng.

+ Thửa đất số 28 diện tích 437,3m^2 có giá trị 26.238.000 đồng; vật kiến trúc, cây cối hoa màu nằm trên thửa đất số 28 có tổng giá trị 21.042.000 đồng.

V. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 24/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã tuyên: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng V về tranh chấp tài sản gắn liền đất, chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy GCNQSDĐ đối với các thửa đất: Thửa số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2.029,2m^2, địa chỉ tổ F, khối H, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hoàng Thị M ngày 21/12/2015. Thửa đất số 27, tờ bản đồ 16, diện tích 1.577,7m^2 địa chỉ phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2 địa chỉ phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hoàng Thị M ngày 24/6/1999.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết tranh chấp thửa đất số 44, tờ bản đồ 09, diện tích 343,4m^2, địa chỉ phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn mang tên hộ bà Hoàng Thị M.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Đăng V phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá với số tiền là 26.486.000đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Xác nhận ông Nguyễn Đăng V đã nộp đủ. Ngoài ra còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong hạn luật định, ông Nguyễn Đăng V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo.

VI. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 80/2021/DS-PT ngày 16/7/2021 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đăng V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo. Xác định di chúc ngày 22/7/1993 là trái pháp luật. Xác định di sản thừa kế của cụ Đặng Thị N1 là diện tích đất thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.577,7 m^2 địa chỉ phường V, thành phố L. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại việc yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.577,7 m^2 theo quy định của pháp luật. Xác định lại về án phí, chi phí tố tụng của vụ án.

VII. Ngày 06/10/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã thụ lý để xét xử lại vụ án.

1. Ông Nguyễn Đăng V đã có đơn bổ sung nội dung đơn khởi kiện ngày 30/01/2019 đề nghị giải quyết:

+ Tuyên bố di chúc ngày 22/7/1993 là vô hiệu, vì vi phạm Pháp lệnh thừa kế, Luật Đất đai năm 1987.

+ Hủy các GCNQSDĐ mà UBND thành phố L đã cấp cho bà M năm 1999 và năm 2015.

+ Yêu cầu bà Hoàng Thị M trả lại toàn bộ nhà đất là di sản của cụ Đặng Thị N1 đã được HTX giao cho hộ gia đình cụ Đặng Thị N1 năm 1980 - 1981 để chia tài sản chung của các thành viên hộ gia đình cụ Đặng Thị N1 là bà Lộc Thị T2, anh Phạm Văn G, anh Phạm Văn D1, ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Phạm Thị D (C), bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Đăng V.

+ Chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị N1, là diện tích 1.577,7 m^2 đất thổ cư thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 16, phường V cho các thành viên hộ có tên nêu trên theo pháp luật.

2. Ngày 16/10/2021 bà Hoàng Thị M đã nộp đơn và các tài liệu chứng cứ bổ sung và cho rằng thửa đất số 27 diện tích 1.577,7 m^2 đã có thông báo thu hồi đất của UBND thành phố L năm 2019 để làm khu tái định cư K phường V. Diện tích đất này có một phần của cụ Đặng Thị N1, một phần của HTX N3 và một phần đất là do vợ chồng bà khai phá bờ tre gai. Hiện nay bà đang quản lý sử dụng và đứng tên trong sổ địa chính (sổ mục kê phường V năm 1997) hiện bà trồng cây cối hoa màu, nhà cửa vật kiến trúc do bà xây dựng, khi về sinh sống cùng cụ Đặng Thị N1 và nộp thuế nhà đất từ năm 1995 đến nay. Việc san lấp mở rộng diện tích thửa đất 27 là do công sức của vợ chồng bà và đã thanh lý hàng rào là các bụi tre gai của gia đình ông Đặng Văn H3, xây dựng bằng tường gạch bao quanh. San lấp mương dẫn nước của HTX N3, miệng cống được xây lắp bằng xi măng kiên cố hiện vẫn còn nguyên trạng. Do đó bị đơn bà Hoàng Thị M không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Lộc Thị T2, anh Phạm Văn G, anh Phạm Quang D2, cùng có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết:

- Tuyên bố di chúc ngày 22/7/1993, có xác nhận của UBND xã Đ ngày 28/7/1993 là vô hiệu, nên yêu cầu hủy di chúc.

- Bổ sung di sản thừa kế của cụ Đặng Thị N1 gồm có: Diện tích 170,9m^2 đất thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 16, khối I phường V, do ông Nguyễn Đăng L1 (Luật) đã bán cho ông Lộc Xuân T7 ngày 07/02/1994. Thửa đất số 44, diện tích 343,5 m^2, tờ bản đồ 09 phường V. Thửa đất số 28 diện tích 437,3m^2 tờ bản đồ số 16, phường V và thửa đất số 13 diện tích 2.029m^2 tờ bản đồ giải thửa số 03, xã Đ, đây là diện tích ông Đinh Cao B đã đổi cho ông Nguyễn Đăng L1 (Luật) tháng 02 năm 1994.

- Bổ sung ông Lộc Xuân T7 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Đề nghị Tòa án không công nhận bà Hoàng Thị M và ông Nguyễn Đăng L1 (Luật) là vợ chồng.

- Xác định người thừa kế theo pháp luật để phân chia di sản của cụ Đặng Thị N1 gồm: Ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Phạm Thị D (C), bà Phạm Thị K3, ông Phạm Công Í, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đăng V và ông Nguyễn Đăng L1 (Luật). Do ông Í đã chết nên bà Lộc Thị T2, anh Phạm Văn G, anh Phạm Quang D2 là vợ, con ông Í được nhận phần của ông Í. Ông Nguyễn Đăng L1 (Luật) đã chết, nên cháu Nguyễn Mỹ H2 được nhận kỷ phần của ông L1 (Luật), bà Hoàng Thị M không được nhận kỷ phần của ông L1 (Luật).

- Yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND thành phố L đã cấp cho bà Hoàng Thị M năm 1999 và năm 2015.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Mỹ H2 nhất trí với phần trình bày của bị đơn bà Hoàng Thị M.

5. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố L, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố L là bà Nguyễn Ngọc H1 trình bày:

- Đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 16 phường V, diện tích 170,9 m^2. Sổ mục kê ghi chủ sử dụng đất là ông Lộc Xuân T7, ngày 07/7/2001 ông T7 kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ, đã được cấp GCN năm 2003. Diện tích trên đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án khu tái định cư khối I phường V, thành phố L, theo Quyết định số 1618/QĐ-UB-XD ngày 05/8/2005 của UBND tỉnh L, hộ ông T7 được bồi thường 87.112.800 đồng, ngày 10/11/2009 hộ ông Lộc Xuân T7 đã nhận số tiền trên theo phiếu chi số 698/50 ngày 10/11/2009.

- Đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16 phường V, diện tích 1.577,7 m^2, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997, sổ mục kê ghi tên Hoàng Thị M, thửa đất này chưa được cấp GCNQSDĐ, hiện gia đình bà M đang sử dụng, thực hiện Quyết định số 1618/QĐ-UB-XD ngày 05/8/2005 của UBND tỉnh L, diện tích của thửa đất này đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án khu tái định cư khối I phường V, thành phố L, hộ bà Hoàng Thị M được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 738.363.600 đồng, số tiền còn thực lĩnh là 734.671.800 đồng, nhưng gia đình bà M chưa được nhận số tiền trên. Do vướng mắc về kinh phí, không đủ để chi trả, nên Dự án chưa thực hiện tiếp được. Ngày 28/7/2019 UBND thành phố L ban hành Thông báo thu hồi đất số 695/TB-UBND Thông báo thu hồi đất của hộ bà Hoàng Thị M với tổng diện tích 2.121,2 m^2 (thu hồi thửa 27.1 là 1.242,2m^2 + thửa 27.2 là 328,7m^2 và thửa số 28 là 550,3m^2).

6. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần theo quy định của pháp luật, nhưng do

bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn và những người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều đề nghị không tiến hành hòa giải và sớm đưa vụ án ra xét xử, do vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

7. Ngày 08/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Đăng V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16, khối I phường V. Xét thấy cần thiết phải tiến hành xem xét thẩm định và định giá lại thửa đất trên. Ngày 22/7/2022 Tòa án đã ban hành Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá lại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16, khối I phường V.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/7/2022 xác định được như sau:

Tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16, khối I phường V, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp các thửa đất số 24 bà Vi Thị X1, thửa 25 bà Trịnh Thị T, thửa 26 đất ông T7 và đất đường đi; Phía Nam giáp thửa đất số 28 và 34 của bà Hoàng Thị M. Phía Đông giáp đường đi. Phía Tây giáp đường đi. Tổng diện tích tranh chấp thửa 27 là 1.567,5 m^2. Tổng diện tích thực tế của thửa đất số 27 là 1.576,6 m^2. Trong đó: 9,1m^2 thuộc thửa số 27 hiện trạng không quản lý, sử dụng. Phần diện tích nguyên đơn và bị đơn xác định thuộc di sản thừa kế là 906,4 m^2 (gồm các đỉnh thửa C1, C2, C3, C4, C5, A19, A20). Phần diện tích bị đơn xác định do khai phá thêm thuộc thửa đất số 27 là 404,6m^2 (gồm các đỉnh thửa từ A1 đến A12, C4, C3, C2, C1, A20 là 393,8m^2. Từ A15 đến A19, C5, C6 là 10,8m^2). Phần diện tích bị đơn xác định nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Văn H3 là 256,5m^2 (gồm các đỉnh thửa C6, C5, C4, A12, A13, A14).

+ Tài sản trên thửa đất số 27 gồm:

1. Nhà thứ nhất; loại nhà loại 3C, bà M cho rằng năm 2013 bà đã xây dựng lại trên nền móng cũ, nhà được xây bằng gạch chỉ, lợp ngói đỏ, nền lát gạch ceramic, hiện trạng nhà đến nay không thay đổi, có diện tích 33,88m^2.

2. Nhà thứ hai; loại nhà loại 3C, bà M cho rằng năm 2013 do bà đã xây dựng, nhà được xây bằng gạch chỉ, lợp ngói đỏ, nền lát gạch ceramic, có diện tích 45,7m^2. 01 nhà vệ sinh năm 2013 do bà đã xây dựng, đổ mái bằng, nền lát gạch ceramic, của kính khung nhôm, có diện tích 5,86m^2.

3. Sân đổ bê tông, có một phần lát gạch chỉ xây dựng năm 2013.

4. 01 Bể nước xây gạch chỉ, nắp bê tông, có chiều dài 2,4m, chiều rộng 2,3m, sâu 2,2m do bà Hoàng Thị M xây dựng.

5. 01 Mái Proximang có diện tích 43,4m^2 do bà M xây dựng năm 2013.

6. 01 Giếng nước có đường kính 80cm, do bà M đào năm 2013.

7. Cây trồng trên đất gồm có các cây Đào, cây Mít, cây B1, cây X2, cây K5 và cây S1 đều do bà M trồng. Các bên đương sự không yêu cầu kiểm đếm và thống nhất theo biên bản kiểm đếm của UBND thành phố L khi kiểm đếm để bồi thường khi thu hồi đất.

8. Tường rào bao quanh 1+2, có chiều cao 1,85m, chiều dài 146,7m do bà M xây dựng từ năm 1990 và tu sửa năm 2013.

9. Cổng sắt 1: cao 1,85m x 2m, do bà M xây dựng năm 1997. Cổng sắt 2: cao 02m x 3,3m do bà M xây dựng từ năm 2013.

Ngoài ra, trên thửa đất số 27 diện tích đất hiện đang tranh chấp có đường mương nước, phần cống nước và bụi tre do bà M tôn tạo, phù hợp với vị trí do các đương sự dẫn đạc. ***(có bản sơ họa do cơ quan đo đạc cung cấp).***

Tại biên bản định giá tài sản ngày 29/7/2022 của Hội đồng định giá đã xác định và quyết định như sau:

Về đất: Đất trồng cây lâu năm theo giá Nhà nước là 60.000đồng/m^2. Đất ở: có giá 416.000đồng/m^2 x 1.567,5m^2 = 652.080.000đ. Theo giá thị trường: Do các bên đương sự không thống nhất được về giá, nên Hội đồng định giá quyết định ***(Giá đất khi chưa vào quy hoạch, thu hồi đất)*** là 10.000.000đồng/m^2 x 1.567,5m^2 = 15.675.000.000đ.

Tài sản trên đất: Nhà thứ nhất 45,7m^2: Giá trị còn lại là 45,7m^2 x 2.935.920đ x 33,3% = 44.679.000đồng.

Nhà thứ hai 33,88m^2: Giá trị còn lại 33,88m^2 x 2.935.920đ x 33,3% = 33.123.000đồng.

Sân đổ bê tông: Có giá 240.000đ/m^2 x 50% x 184,7m^2 = 22.164.000đồng.

Sân lát gạch chỉ: Có giá 255.000đ/m^2 x 50% x 26,1m^2 = 3.328.000đồng.

Ngoài ra còn các tài sản khác đã hết khấu hao, nên không định giá gồm: Nhà vệ sinh, bể nước, mái lợp P1, giếng đào, cổng.

Ngày 16/9/2022, bà Trịnh Thị T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có đơn đề nghị Tòa án đi giám định thửa đất số 27 tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính phường V, có thuộc một phần của thửa đất số 52, tờ bản đồ số 01 xã Đ không? Ngày 20/9/2022 Tòa án đã ban hành Quyết định số 02/2022/QĐ-TCGĐ, về việc Trưng cầu giám định viên Đàm Văn T8, là giám định viên tư pháp theo vụ việc, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L giám định đối với thửa đất nêu trên. Ngày 27/9/2022 Tòa án nhận được kết luận giám định, Giám định viên đã kết luận như sau: "*Thửa đất số 52, diện tích 1.602m^2, tờ bản đồ giải thửa số 01 xã Đ, thị xã L theo Sổ đăng ký ruộng đất năm 1989 đứng tên bà Đặng Thị N1 có vị trí, hình thể phù hợp với thửa đất số 27, tờ bản đồ địa chính số A, phường V*

năm 1997".

VII Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 21/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã: *Căn cứ vào khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 125, khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2013; Điều 158, 163, 221 và Điều 235 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5, 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 37; khoản 1; 2 Điều 147, khoản 1; 2 Điều 157; Điều 158; khoản 1, 2 Điều 165; Điều 166; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 15; điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ các Điều 357; 609, 610, 611, 612, 613, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 654 Bộ luật dân sự;*

1. *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: Ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Phạm Thị D (C), bà Lộc T2, anh Phạm Văn G, anh Phạm Văn D1. Hủy bản di chúc ngày 22/7/1993 của cụ Đặng Thị N1 đối với diện tích đất 1.567,5m^2 thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 phường V, thành phố L do không hợp pháp.*

2. *Chia di sản thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.567,5m^2 thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 phường V, thành phố L của cụ Đặng Thị N1, cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N1 mỗi người một kỷ phần. Cụ thể: Ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Phạm Thị K3, Phạm Thị D và bà Lộc Thị T2, ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị X, mỗi người được chia là 140m^2 đất nằm trong thửa số 27, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 phường V, thành phố L theo thứ tự như sau:*

2.1. *Bà Hoàng Thị M được chia **ô số 1** diện tích là 587,5m^2 đất nằm trong thửa số 27, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 phường V, thành phố L (có ký hiệu các đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, A6, B2, B1, A14 đến A20) theo mảnh trích đo và bản phụ lục kèm theo Bản án.*

2.2. *Chị Phạm Thị S2 (con bà Phạm Thị K3 đã chết) được chia **ô số 2** diện tích là 140m^2 đất nằm trong thửa số 27, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 phường V, thành phố L (có ký hiệu các đỉnh thửa B1,B2, B3,B4). Giao cho bà Hoàng Thị M quản lý, theo mảnh trích đo và bản phụ lục kèm theo Bản án.*

2.3. *Các đồng thừa kế còn lại gồm các ông bà: Ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, Phạm Thị D và bà Lộc Thị T2, ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn*

*Thị X được chia các **ô số 3, 4, 5, 6, 7, 8** diện tích mỗi ô là 140m^2 đất nằm trong thửa số 27, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 phường V, thành phố L(có ký hiệu các đỉnh thửa B4,B3, B5,B6,B7,B8,B9,B10,B11,B12,B13,A7 A8,A21,A11,A12,A13) theo mảnh trích đo và bản phụ lục kèm theo Bản án.*

***3.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết tranh chấp thửa đất số 26, tờ bản đồ số 16 phường V, diện tích 170,9 m^2; thửa số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2 phường V, thành phố L; thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.029,2m^2; thửa số 44, tờ bản đồ số 09, diện tích 343,5m^2 tờ bản đồ phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.*

***4.** Về chi phí tố tụng:*

***4.1.** Buộc ông Nguyễn Đăng V phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá ngày 16/7/2019 **(lần 1);** với số tiền là 26.486.000đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Xác nhận ông Nguyễn Đăng V đã nộp đủ.*

***4.2.** Đối với chi phí ngày 29/7/2022 **(lần 2)**. Buộc ông Nguyễn Đăng V, ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Phạm Thị D, bà Lộc Thị T2, bà Nguyễn Thị S, chị Phạm Thị S2, mỗi người phải có trách nhiệm trả số tiền là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) cho bà Trịnh Thị T.*

***4.3.** Buộc bà Hoàng Thị M phải có trách nhiệm trả 1.850.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà Trịnh Thị T.*

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi xuất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

***5.** Về án phí:*

***5.1.** Ông Nguyễn Đăng V, ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, Phạm Thị D và bà Lộc Thị T2 không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, vì được miễn án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.*

***5.2.** Trả lại cho ông Nguyễn Đăng V số tiền đã nộp là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) theo biên lai số AA/2010/0001616 ngày 28/02/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.*

***5.3.** Buộc bà Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Văn G (Phạm Mạnh G1) và anh Phạm Văn D1 (Phạm Quang D2) mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước. Xác nhận đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0000010 và biên lai số AA/2021/0000011 ngày 24/11/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.*

5.4. *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, Phạm Thị D và bà Lộc Thị T2, ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị X, chị Phạm Thị S2 mỗi người phải chịu 2.912.000 đồng (hai triệu, chín trăm mười hai nghìn đồng) án phí có giá ngạch theo kỷ phần được chia để sung công quỹ Nhà nước.*

5.5. *Buộc bà Hoàng Thị M phải chịu án phí có giá ngạch theo kỷ phần được chia là 12.220.000 đồng (mười hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/11/2022, ông Nguyễn Đăng V có đơn kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Phạm Thị D, bà Lộc Thị T2, anh Phạm Mạnh G1, anh Phạm Quang D2 kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngày 07/11/2022 Viện trưởng Viện sát nhân dân tỉnh L có Quyết định kháng nghị số 76/QĐ-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

VIII. Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Người đại diện cho nguyên đơn và đại diện của những người liên quan có cùng quan điểm như sau:

Trong hồ sơ vụ án có 02 tài liệu hiện trạng thửa đất có tranh chấp đó là: Trích đo khu đất tranh chấp ngày 12/8/2022 và phụ lục kèm theo quyết định bản án ngày 20/10/2023 đều do Công ty cổ phần T10 chi nhánh L4 thực hiện và cho rằng phụ lục này có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì được ban hành trước khi có bản án.

Việc chia thừa kế đối với thửa số 26 tờ bản đồ số 16 với diện tích 170,9m^2 là diện tích đất bà M đã bán cho ông Lộc Xuân T7 không được Tòa án xem xét là bỏ sót yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Việc Tòa án không xem xét giải quyết thửa 26 là tạo điều kiện cho bà M chiếm 170,9 m^2 đất.

Bản án sơ thẩm không xác định được di sản của cụ N1, phần diện tích đất bà M. Mỗi lúc lại nhận định một kiểu về diện tích di sản, diện tích đất của bà M. Giữa phần nhận định và phần quyết định của bản án khác nhau, không thống nhất. Hội đồng xét xử sơ thẩm ấn định chia cho mỗi kỷ phần 140m^2? Lý do gì lại lấy di sản của cụ N1 chia cho bà M khi bà M không thuộc hàng thừa kế của cụ N1 mà lại được chia diện tích gấp 3 lần 01 kỷ phần của hàng thừa kế của cụ

N1? Hội đồng xét xử sơ thẩm lại áng trích công sức cho bà M bằng 01 xuất thừa kế là không có cơ sở vì bản thân bà M đã dùng thủ đoạn gian dối, làm giả di chúc hòng chiếm đoạt tài sản.

Về chi phí giám định: Buộc ông V phải chịu: 26.486.000.đồng là không đúng vì Bản án số 16/2019/DS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã bị hủy, giao hồ sơ về cho TAND tỉnh Lạng Sơn xét xử lại nên phần chi phí này chưa được giải quyết.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét:

- Xác định chính xác di sản là bao nhiêu m^2 đất; Căn cứ xác định ông Nguyễn Đăng L2, Nguyễn Đăng L1 là một người và là con của cụ Đặng Thị N1. Căn cứ xác định Nguyễn Mỹ H2 có quan hệ huyết thống với chúng tôi.

- Bà M cung cấp giấy mua đất của ông H3, vị trí đất của ông H3 bán cho bà M thuộc thửa số bao nhiêu? Vị trí mương HTX thuộc thửa số bao nhiêu? Xác định chính xác diện tích đất bà M được giao theo bản án là bao nhiêu? Bao gồm những diện tích đất nào? Nguồn gốc hình thành của các diện tích đất? Di sản là của cụ N1 từ năm 1988 nên không thể có việc bà M khai phá trên đất của cụ N1. Các tài liệu bà M cung cấp đều là giả, bà M và chị Mỹ H2 đều không chứng minh được quan hệ huyết thống với ông L1 nên không được quyền nhận kỷ phần thừa kế. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia kỷ phần cho chị Phạm Thị S2 nhưng lại không đưa chị S2 vào tham gia tố tụng là không đúng, tại phiên tòa hôm nay bà M cũng không đồng ý nhận kỷ phần mà chị S2 được chia theo bản án sơ thẩm nên cần xem xét lại nội dung này.

2. Bà Hoàng Thị M trình bày: Sau khi tòa án tuyên án bà chưa rõ chi tiết cụ thể nên bà không kháng cáo. Nhưng sau khi nhận được bản án thì bà thấy việc giao cho bà quản lý đất của chị S2 là bà không nhất trí, và bà vẫn xác định rằng gia đình bà có khu đất được thể hiện trên bản đồ qua hai thời kỳ đo đạc, thửa đất của cụ N1 tại thời điểm xác lập theo bản đồ giải thửa lập năm 1989 là 1.602 m² phần đất đã chuyển nhượng 359,7 m2, nên thửa đất của cụ N1 chỉ còn 1.242,3 m² như vậy diện tích thực tế thửa đất số 27 của cụ N1 có thay đổi tăng 318,8 m². Sự chênh lệch này là do bà khai hoang thêm trên nền mương nước của hợp tác xã bỏ hoang và dẫy bụi tre bà nhận chuyển nhượng của Đặng Văn H3. Vì vậy bà cho rằng tòa cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của luật.

3. Luật sư Nguyễn Thế Q trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Việc xác định chị Phạm Thị S2 có liên quan và chia kỷ phần nhưng lại không đưa vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đối với trường hợp chị Nguyễn Mỹ H2 thì đã xác định là người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì cần xác định chia kỷ phần cho chị H2 chứ không cấp chung kỷ phần thừa kế cho hai mẹ con vì sẽ gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Đối với nội dung thể hiện tại bản đồ mà luật sư vừa cung cấp cho HĐXX thì có thể thấy ngôi nhà của cụ N1 đã không còn, tài sản trên đất hoàn toàn là do bà M góp công sức nên bà M đương nhiên được hưởng 02 kỷ phần thừa kế.

- Về diện tích thuộc phần thu hồi đất phục vụ Dự án thì bà M là người nhận bồi thường với số tiền 700 triệu đồng nhưng phía Dự án chưa có khả năng chi trả chứ không phải bà M không nhận nên việc đất đang trong quy hoạch Dự án nhưng Tòa án lại chia đất như vậy là không khả thi.

- Việc tính án phí của Tòa án cấp sơ thẩm cũng có nhiều vấn đề cần được xem xét điều chỉnh.

Tổng hợp những phân tích trên thấy cần hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án mới đảm bảo được quyền, lợi ích của đương sự.

4. Bị đơn bà Hoàng Thị M nhất trí ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình và không bổ sung gì.

5. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết lại vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung:

+ Việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

Thửa đất số 27 đã quy hoạch thực hiện dự án đầu tư công trình tiểu khu tái định cư khối I, phường V, thành phố L, đã có Thông báo thu hồi đất số 695/TB-UBND ngày 08/7/2019 của UBND thành phố L. Theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh L thì thửa đất này thuộc trường hợp không được tách thửa, quyền của người sử dụng đất bị hạn chế.

Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Đăng V, Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Lộc Thị T2 chịu án phí có giá ngạch theo kỷ phần được hưởng với số tiền 2.912.000 đồng trong khi những đương sự này là người cao tuổi được miễn án phí là không đúng quy định. Việc xác định chi phí tố tụng chưa tương xứng với tỷ lệ giá trị tài sản của mỗi đương sự được hưởng thừa kế.

Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kháng nghị của VKSND tỉnh Lạng Sơn, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 21/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về tố tụng

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã thụ lý vụ án, ngày 29/11/2021 thụ lý theo yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, theo quy định tại khoản 5, 9 Điều 26, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn là đúng.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Lộc Thị T2, anh Phạm Văn G (Phạm Mạnh G1), anh Phạm Văn D1 (Phạm Quang D2), những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Phạm Thị D (C), nhưng họ đã có người đại diện theo uỷ quyền có mặt. Những người liên quan khác vắng mặt đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần. Ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về kháng cáo của đương sự

- Kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kháng nghị của VKSND tỉnh Lạng Sơn trong thời hạn và đúng thủ tục pháp luật được quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278, 280 BLTTDS năm 2015.

[II]. Xét nội dung kháng cáo:

Xét nội dung kháng cáo của các đương sự, kháng nghị của VKSND tỉnh Lạng Sơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

[1]. Xét yêu cầu: Tuyên bố di chúc ngày 22/7/1993, có xác nhận của UBND xã Đ ngày 28/7/1993 của cụ N1 là vô hiệu, yêu cầu hủy di chúc.

Đối với bản di chúc lập ngày 22/7/1993 của cụ Đặng Thị N1 có nội dung thể hiện cụ N1 chia cho vợ chồng ông L2, bà M thừa kế toàn bộ nhà cửa, đất đai. Thời điểm này thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ, khi lập di chúc Luật Đất đai năm 1987 đang có hiệu lực và theo Mục 1 Nghị quyết số 02/NQ ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 4 Pháp lệnh thừa kế thì: "Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không trở thành di sản thừa kế khi công dân chết", do vậy nội dung di chúc của cụ N1 cho ông L2, bà M được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất là trái pháp

luật, nên phần định đoạt liên quan đến quyền sử dụng đất theo bản di chúc trên là vô hiệu.

Bản án sơ thẩm tuyên hủy bản di chúc ngày 22/7/1993 của cụ Đặng Thị N1 đối với diện tích đất 1.567,5m^2 thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 phường V, thành phố L do không hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị N1.

- Đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 16 phường V, diện tích 170,9 m^2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xác định gộp thửa đất số 26 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 16 để chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị N1 cho những người thừa kế. Theo tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án, thửa mang tên ông Lộc Xuân T7, đã bị thu hồi đất theo quyết định 1618/QĐ-UB-XD ngày 05/8/2005 của UBND tỉnh L. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đối với thửa đất này chưa thực hiện các thủ tục thụ lý theo quy định của pháp luật như các tài liệu liên quan đến thửa đất, thủ tục nộp tạm ứng án phí là chưa đủ điều kiện thụ lý nên bản án sơ thẩm tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng quy định.

- Ngoài ra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các thửa số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2 phường V, thành phố L; thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.029,2m^2; thửa số 44, tờ bản đồ số 09, diện tích 343,5m^2 địa chỉ phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Tranh chấp liên quan đến các thửa đất này đã được Tòa án giải quyết tại Bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án (Bản án số 59/2018/DS- ST ngày 27/11/2018 của TAND tỉnh Lạng Sơn và Bản án số 80/2021/DS-PT ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội). Do đó Bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các thửa đất này là đúng quy định.

- Đối với thửa đất số 27 tờ bản đồ 16, diện tích là 1.577,7m^2 nguồn gốc là của bố mẹ cụ N1 cho riêng cụ N1, nhưng không có giấy tờ.

Bản án dân sự phúc thẩm số 80/2021/DS-PT ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xác định thửa đất số 27 là di sản thừa kế của cụ N1 để lại. Theo nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì diện tích thửa 27 có cả diện tích 170,9m^2 thuộc thửa số 26 tờ bản đồ số 16, vì diện tích này nằm trong thửa số 52 do cụ N1 đứng tên, là di sản thừa kế của cụ N1 để lại. Còn bị đơn bà M cho rằng trong thửa số 27 có một phần diện tích đất do bà khai phá hàng rào tre gai và mở rộng phần mương nước của Hợp tác xã, không phải là di sản của cụ N1. Căn cứ mảnh trích đo ngày

29/7/2022 và Kết luận Giám định ngày 27/9/2022 của Giám định viên vụ việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L: "Thửa đất số 52, diện tích 1.602m^2, tờ bản đồ giải thửa số 01 xã Đ, thị xã L theo Sổ đăng ký ruộng đất năm 1989 đứng tên bà Đặng Thị N1 có vị trí, hình thể phù hợp với thửa đất số 27, tờ bản đồ địa chính số A, phường V năm 1997" (BL số 1242, 1227, 1537-1539). Như vậy, xác định thửa đất số 27 có vị trí, hình thể phù hợp với thửa số 52, theo kết quả thẩm định tại chỗ tại thửa 27 có mương nước, cống, bụi tre nhưng đều nằm trong thửa 52 của cụ N1, sau khi cụ N1 chết, bà M sử dụng thửa đất do cụ N1 để lại. Do vậy, việc bản án sơ thẩm xác định trong diện tích 1.567,5m^2 tại thửa 27 có cả diện tích đất do bà M khai phá thêm và chia cho bà M được 587,5m^2 trong khi các đồng thừa kế khác được 140m^2 đất là không bảo đảm tính khách quan.

- Việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

Thửa đất số 27 hiện nay đã quy hoạch thực hiện Dự án đầu tư công trình tiểu khu tái định cư khối I, phường V, thành phố L, đã có Thông báo thu hồi đất số 695/TB-UBND ngày 08/7/2019 của UBND thành phố L.

Ngày 06/7/2023, TANDCC tại Hà Nội đã có quyết định ủy thác thu thập chứng cứ về việc xác minh, thu thập tài liệu về hồ sơ bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 27, phường V. Tại Công văn số 2072/UBND-TNMT ngày 02/8/22023 của UBND thành phố L trả lời như sau *"Đối với tất cả các đồng thừa kế được chia tại Bản án số 13 ngày 21/10/2022 của Tòa án nhân tỉnh Lạng Sơn. Do hiện nay chưa có hồ sơ kiểm đếm, thu hồi của các đồng thừa kế để thông qua Hội đồng họp xét bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xem xét, do vậy UBND thành phố chưa có cơ sở lập phương án đối với các đồng thừa kế. Sau khi có hồ sơ hợp pháp được thông qua Hội đồng BT.HT,TĐC Dự án,* ***UBND thành phố căn cứ trên cơ sở các quy định của pháp luật*** *phê duyệt đảm bảo quyền lợi cho tất cả các đồng thừa kế*.

Theo kết quả xác minh: Đến nay chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cụ thể đối với hộ gia đình bà Hoàng Thị M (*BB họp ngày 18/5/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án)*

Như vậy theo quy định tại Khoản 2, Điều 49 Luật Đất đai, khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 2, Điều 3 Quy định hạn mức giao đất ở, điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp nhất thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo khoản 2,3 Điều 3 chương 1 của Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh L thì thửa đất này thuộc trường hợp không được tách thửa, quyền của người sử dụng đất bị hạn chế. Bản án sơ thẩm

tuyên chia thừa kế bằng đất cho những người thừa kế mà không chia thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến việc thực hiện Dự án, gây khó khăn cho công tác thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng và công tác thi hành án.

Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận chị S2 là con của bà Phạm Thị K3 (đã chết) nhưng đã được cho làm con nuôi ở Mỹ, từ khi chị S2 mới 9 tuổi từ đó đến nay không biết chị S2 ở đâu? Còn sống hay đã chết? Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm cũng không đưa chị S2 vào tham gia tố tụng. Hơn nữa Bản án sơ thẩm đã quyết định chia cho chị Phạm Thị S2 ô số 2 diện tích là 140m^2 đất nằm trong thửa số 27, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 phường V, thành phố L. Giao cho bà Hoàng Thị M quản lý, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà M từ chối nhận quản lý phần của chị S2 mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà. Các đương sự khác có mặt tại phiên tòa cũng không thống nhất được ai là người nhận kỷ phần này của chị S2, đây là tình tiết mới phát sinh tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn có một số vi phạm như: Tuyên buộc ông Nguyễn Đăng V, Phạm Trọng K, bà Phạm Thị K1, bà Lộc Thị T2 chịu án phí có giá ngạch theo kỷ phần được hưởng với số tiền 2.912.000 đồng trong khi những đương sự này là người cao tuổi được miễn án phí là không đúng quy định. Việc xác định chi phí tố tụng chưa tương xứng với tỷ lệ giá trị tài sản của mỗi đương sự được hưởng thừa kế.

Do vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Lạng Sơn cần hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 21/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn về vụ án "Tranh chấp tài sản gắn liền với đất, chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" giữa Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng V với Bị đơn: Bà Hoàng Thị M.

2. Chuyển hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn để xét xử sơ thẩm

lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng